

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v tranh chấp hui.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

2. Ông Đỗ Hồng Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hui”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số F, Tổ B, Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trà Thanh T, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số A, đường N, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm: 1979.

Nơi ĐKKHKT: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số D, Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trà Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T1 có tham gia chơi hui do nguyên đơn làm chủ thảo cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: dây hội 5.000.000 đồng hội tháng gồm 22 phần mở hội lần đầu là ngày 03/4/2021 âm lịch; bà T1 kê hội 900.000 đồng và hốt hội được 83.600.000 đồng, bà T1 đóng hội hàng tháng đến tháng 11/2022 âm lịch thì không đóng nữa. Dây hội này đến tháng 01/2023 âm lịch mãn hội, bà T1 còn nợ tiền hội 02 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây thứ hai: hội tháng 5.000.000 đồng gồm 18 phần mở hội ngày 12/3/2022 âm lịch, bà T1 tham gia một phần khi khai hội lần đầu bà T1 kê giá 800.000 đồng và hốt được số tiền 68.900.000 đồng, bà T1 đóng hội đến tháng 11/2022 âm lịch thì không đóng nữa. Dây hội đến tháng 12/7/2023 âm lịch thì mãn hội, bà T1 còn nợ 09 tháng tiền hội tương đương số tiền 45.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: hội tháng 4.000.000 đồng gồm 21 phần mở hội ngày 04/8/2022 âm lịch; khi khai hội lần đầu bà T1 kê giá 800.000 đồng và hốt được số tiền 62.000.000 đồng, bà T1 đóng hội đến tháng 11/2022 âm lịch thì không đóng nữa. Dây hội đến ngày 04/3/2024 âm lịch thì mãn hội, bà T1 còn nợ 17 tháng tiền hội là 68.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 trả cho bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền hội là 123.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền hội là 1%/tháng tính từ ngày mãn hội cho đến ngày xét xử sơ thẩm và giai đoạn thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày ý kiến: Bà T1 xác định có tham gia chơi 03 dây hội do bà H làm chủ thảo, quá trình tham gia chơi hội, đóng hội và hốt hội đúng như nguyên đơn trình bày. Bà T1 đồng ý hoàn trả tiền nợ hội là 123.000.000 đồng và xin trả dần cho nguyên đơn, về tiền lãi thì bà T1 không đồng ý trả lãi vì chơi hội đã đóng hội chết nên yêu cầu trả lãi thêm bà không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý trả số tiền nợ hội 123.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hội”, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 có địa chỉ cư trú tại số D, Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng: Bà T1 xác định có tham gia chơi 03 dây hụi như nguyên đơn trình bày và bà T2 đồng ý trả nợ hụi 123.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận về phần này.

[2.2] Về phương thức trả nợ: Bà T1 xin trả dần vì không có khả năng trả một lần cho bà H. Yêu cầu của bà T1 không được nguyên đơn đồng ý và pháp luật không có quy định trả dần nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc bà T1 trả nợ hụi khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Đối với các dây hụi do bà H làm chủ thảo không thỏa thuận việc tính lãi chậm đóng hụi và bà H khởi kiện yêu cầu tính lãi trên số tiền hụi chưa đóng với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định:

“2. Trường hợp đến kỳ mở hụi mà thành viên đã lĩnh hụi không góp phần hụi hoặc góp phần hụi không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:

a) Trường hợp hụi không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp hụi trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp.

b) Trường hợp hụi có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với hụi có lãi.”.

Do đó, trong trường hợp này Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất là 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Về thời hạn tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ thì thời hạn tính lãi trên thời gian hụi viên chậm góp hụi theo từng lần mở hụi nhưng bà H chỉ yêu cầu tính lãi tại thời điểm mãn hụi là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H về phần này. Số tiền lãi được xác định như sau:

Dây hụi thứ nhất mãn hụi ngày 24/01/2023 đến ngày 26/4/2024 là 15 tháng 02 ngày tương ứng số tiền lãi là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 15 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 1.250.533 \text{ đồng}$.

Dây hụi thứ hai mãn hụi ngày 17/8/2023 đến ngày 26/4/2024 là 08 tháng 09 ngày tương ứng số tiền lãi là: $45.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 3.066.435 \text{ đồng}$.

Dây hụi thứ ba mãn hụi ngày 12/4/2024 đến ngày 26/4/2024 là 14 ngày tương ứng số tiền lãi là: $68.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 14 \text{ ngày} = 263.387 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là 4.580.355 đồng.

[2.4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền nợ hui là 127.580.355 đồng (trong đó: tiền gốc là 123.000.000 đồng, tiền lãi là 4.580.355 đồng) tính đến ngày 26/4/2024.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Nhị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự. Điều 21, Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H về việc “tranh chấp hui” với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền 127.580.355 đồng (trong đó: tiền gốc là 123.000.000 đồng, tiền lãi là 4.580.355 đồng) tính đến ngày 26/4/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 25/01/2024, áp dụng biện pháp “Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Kim T1” là thửa đất số: 313, tờ bản đồ số: 13, diện tích: 124,5m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An cho đến khi có quyết định hủy bỏ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu 6.379.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hữu Lộc